TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2018

V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tốt;
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Minh Ký.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại Phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 725/2017/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 465/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 364/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn T , sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: X TL, Tổ 1, Khu phố N, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố N, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn T trình bày:

Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TL, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2004. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn xảy ra từ tháng 4 năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bà Đ mắc nợ nên tự bỏ nhà không sống chung với ông T để ra ngoài sinh sống. Năm 2015, bà Đ tự trở về nhà cùng chung sống lại với ông T nên ông T tha thứ để hàn gắn và cùng xây dựng gia đình lại với bà Đ. Ông T khuyên nhủ và tha thứ nhiều lần để hàn gắn gia đình nhưng bà Đ không thay đổi. Đến tháng 3 năm 2017, bà Đ lại tự bỏ nhà đi trốn nợ và ông T ly thân với bà Đ từ thời điểm đó cho đến nay. Ông T rất mệt mỏi đối với cuộc hôn nhân này về tinh thần. Nay, ông T cảm thấy không còn niềm tin và thương yêu, quý trọng bà Đ nữa, không thể đoàn tụ được nữa, ông đề nghị sớm được ly hôn để ổn định cuộc sống và tinh thần. Vì vậy, ông T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 (một) con chung tên: Nguyễn Thị Thanh Phương, sinh năm 2007. Nếu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Tấn T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T xác định ông và bà Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Thanh Phương trình bày: Cháu Phương được cha trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc từ nhỏ nên nếu cha và mẹ ly hôn, cháu Phương mong muốn sống với cha. Mẹ tự bỏ nhà không sống chung với cha cách nay được mấy tháng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T.

Tòa án tiếp tục triệu tập các đương sự để tham gia về phiên hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị Đ liên tục vắng mặt. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên vụ án đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 25/12/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các điều 227 và 233 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, hòa giải. Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, phiên toà được tiến hành theo đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Tấn T với bà Nguyễn Thị Đ.

+ Về con chung: Giao 01 (một) con chung Nguyễn Thị Thanh Phương, sinh năm 2007 cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Đ cho đến khi có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Tấn T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn vắng mặt (lần 2) không rõ lý do nên không có lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Đây là quan hệ pháp luật "tranh chấp về ly hôn". Bị đơn đang cư trú, sinh sống tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào các điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2004 (Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01/2004, do Ủy ban nhân dân phường TL, Quận 12 cấp ngày 29/6/2004). Nay, ông Nguyễn Tấn T nộp đơn xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Ông T và bà Đ có 01 (một) con chung: Nguyễn Thị Thanh Phương , sinh năm 2007 , ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con nếu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T xác định ông và bà Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Nguyễn Thị Thanh Phương trình bày: Cháu được cha trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ nên nếu cha và mẹ ly hôn thì cháu muốn sống với cha.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xác minh tại Hội Phụ nữ phường TL, Quận 12 về tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị Đ xác định: Trước năm 2015, bà Đ mượn nợ nhiều nơi rồi bỏ trốn. Sau đó, bà Đ quay về thì được cha mẹ chồng tha thứ để ông T và bà Đ chung sống lại bình thường. Sau đó, bà Đ lại mượn danh nghĩa cha mẹ chồng để vay nợ tiếp rồi lại bỏ trốn vào tháng 5 năm 2017, ông T và bà Đ cũng ly thân từ đó. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do nợ nần về tiền bạc, hơn nữa bà Đ có hành vi lừa gạt chồng là ông T và cha mẹ chồng nên hiện nay ông T không còn tình cảm với bà Đ nữa nên không thể hàn gắn gia

đình. Con chung là trẻ Nguyễn Thị Thanh Phương hiện nay đang được cha mẹ của ông T trực tiếp nuôi dưỡng và cho đi học.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 về căn cứ cho ly hôn và ly hôn theo yêu cầu của một bên: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về vi phạm nghiêm T quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thật sự có mâu thuẫn trầm T, hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, tôn T lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc, trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái, mặc dù Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thể hàn gắn để đoàn tụ. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng nguyên đơn và bị đơn không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử, xét thấy có đủ cơ sở thực tế và căn cứ pháp lý chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Ông T và bà Đ có 01 (một) con chung: Nguyễn Thị Thanh Phương , sinh năm 2007, cháu Phương có nguyện vọng được sống với cha nếu cha và mẹ ly hôn và ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương nếu được ly hôn với bà Đ, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định về tinh thần, sức khỏe trong cuộc sống, trong học tập nên căn cứ theo quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn; việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền, nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014. Xét thấy, nguyện vọng ông T và cháu Phương là có cơ sở vì ông T trực tiếp chăm nom, chăm sóc cháu Phương từ nhỏ cho đến nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông T xác định ông và bà Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn nên nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 208, 227, 233 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 58, quyển số 01/2004, do Ủy ban nhân dân phường TL, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/6/2004 không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Giao 01(một) con chung Nguyễn Thị Thanh Phương, sinh năm 2007 cho ông Nguyễn Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, trông nom. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Đ cho đến khi có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Tấn T.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tấn T xác định ông và bà Nguyễn Thị Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Tấn T xác định ông và bà Nguyễn Thị Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0024606 ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Tấn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- UBND phường TL, Quận 12, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Diễm

Kính chuyển Chánh án cho đăng
CVP .....Trương Hữu Hạnh
Duyệt của Chánh án:

Trương Việt Hồng